TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04 /2025/HNGĐ-ST
Ngày: 07/01/2025
V/v: Tranh chấp "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY-TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Nhơn.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Huỳnh Văn Hoàn**

Bà **Nguyễn Thị Kim Thúy**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Trần Hồng Nhung -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 07 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 501/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 183/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2024, các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị Ngọc C,** sinh năm 2000. Địa chỉ: khu phố BT, thị trấn BP huyện CL, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Thành T**, sinh năm 2001. Địa chỉ: khu phố BT, thị trấn BP huyện CL, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 30/8/2024 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc C trình bày:*

Về hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu, chị và anh Nguyễn Thành T quyết định

tiến đến hôn nhân, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2018, có đăng ký kết hôn ngày 31/5/2022 tại Ủy ban nhân xã BP (nay là thị trấn BP), huyện CL, tỉnh Tiền Giang. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cải vả, mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trầm trọng, không hàn gắn được. Chị và anh T đã sống ly thân từ cuối năm 2023 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm không còn, không thể tiếp tục chung sống nên chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Thành P, sinh ngày 10/01/2019, từ lúc chị và anh T sống ly thân, cháp P do anh T nuôi dưỡng, khi ly hôn chị đồng ý giao cháu P cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Nguyễn Thành T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, tuy nhiên anh T không cung cấp ý kiến đối về yêu cầu khởi kiện của chị C và vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Thành T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham dự phiên tòa, nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn".

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Lê Thị Ngọc C, xét thấy:

[3.1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Ngọc C và anh Nguyễn Thành T chung sống với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn ngày 31/5/2022 tại Ủy ban nhân thị trấn BP, huyện CL, tỉnh Tiền Giang nên được công nhận là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo chị C trình bày, chị và anh T phát sinh mâu thuẫn từ năm 2023, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cải vả, mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trầm

trọng, không hàn gắn được. Chị và anh T đã sống ly thân từ cuối năm 2023 cho đến nay.

Bị đơn anh Nguyễn Thành T vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị C, không tham gia các phiên hòa giải do Tòa án tổ chức, qua đó cho thấy anh T không có mong muốn hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: " Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau". Thế nhưng, giữa chị C và anh T đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống và không còn chung sống với nhau đã lâu. Xét thấy, hôn nhân giữa chị C và anh T đã lâm vào trình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị C yêu cầu được ly hôn với anh T là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Chị C và anh Tcó 01con chung tên Nguyễn Thành P, sinh ngày 10/01/2019. Hiện cháu P sống với anh T. Khi ly hôn chị C đồng ý giao cháu P cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng.

Xét thấy, từ lúc chị C và anh T sống ly thân, cháu P sống với anh T. Để đảm bảo sự ổn định, không làm xáo trộn cuộc sống của cháu P, Hội đồng xét xử giao cháu P cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng.

[3.3] Về cấp dưỡng: Không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.4] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.5] Về nợ chung: Không có, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn chị C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 147; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Ngọc C.

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Ngọc C được ly hôn với anh Nguyễn Thành T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thành P, sinh ngày 10/01/2019 cho anh Nguyễn Thành T tiếp tục nuôi dưỡng.

Chị Lê Thị Ngọc C được quyền đến thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Ngọc C phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị Lê Thị Ngọc C đã nộp 300.000đồng tạm ứng phí theo biên lai thu số 0016956 ngày 15/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh Tiền Giang, do đó xem như đã nộp xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Ngọc C có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Thành T có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Văn Nhơn